TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2024.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

2. Ông Võ Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Lê Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Diệu N, sinh năm 1994. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1999. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Phúc Khuê, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trịnh Diệu N trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2020, có làm lễ cưới theo truyền thống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung cháu Nguyễn Trịnh Quốc Bảo, sinh ngày 19/9/2020, hiện nay đang sống chung với nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Xuân L trình bày: Bị đơn và nguyên đơn kết hôn năm 2020, có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, mâu thuẫn về tính tình cách sống, bị đơn và nguyên đơn đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được với nhau, sống ly thân đã lâu. Quá trình chung sống có một con chung, bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi con chung, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có, không thiếu nợ ai hay cho ai vay nợ. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của nguyên đơn và bị đơn. Về con chung giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn và nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại khu Phúc Khuê, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn, để giải quyết vụ án ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn căn cứ Điều 35, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn điều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét

xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Trịnh Diệu N và bị đơn Nguyễn Xuân L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống vào năm 2020 và có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau, vợ chồng tự ai nấy sống, sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có một con chung, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung và hiện tại con chung đang sống với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Về cấp dưỡng bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 55, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn Trịnh Diệu N và bị đơn Nguyễn Xuân L.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trịnh Quốc B, giới tính: Nam, sinh ngày 19/9/2020, cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trịnh Diệu N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003352 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, thành án phí nguyên đơn không phải nộp thêm

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân